

**BÁO CÁO NHANH**  
**Tình hình sản xuất nông nghiệp**  
(Đến ngày 25 tháng 10 năm 2023)

**1. Kết quả sản xuất chủ yếu**

**a) Sản xuất lúa**

STT	Địa phương	Vụ Hè Thu năm 2023			Vụ Thu Đông 2023		
		Diện tích gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Diện tích gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
			Diện tích (ha)	NS (tấn/ha)		Diện tích (ha)	NS (tấn/ha)
01	Giang Thành	29.090	29.090	5,79	14.170	14.170	5,30
02	Kiên Lương	22.000	22.000	5,84			
03	Hòn Đất	78.976	78.976	5,44	5.304	3.450	5,20
04	Tp. Rạch Giá	5.394	5.394	5,36	817	617	4,80
05	Châu Thành	18.995	18.995	5,18	6.304	3.967	5,30
06	Tân Hiệp	36.598	36.598	5,88	30.821	22.828	5,60
07	Giồng Riềng	46.740	46.740	5,77	27.082,6	23.802	5,50
08	Gò Quao	25.206	25.206	5,85	640,8	640,8	5,60
09	An Biên	5.618	5.618	5,61			
10	Vĩnh Thuận	3.253	3.253	5,61			
11	UM.Thượng	6.308	6.308	5,40			
<b>Tổng cộng</b>		<b>278.178</b>	<b>278.178</b>	<b>5,64</b>	<b>85.139,4</b>	<b>69.475</b>	<b>5,46</b>

**b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023**

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.460	2.488	646		1.842	5.420
02	Kiên Lương	8.050	7.391	2.241	900	4.250	25.794
03	Giang Thành	3.400	3.253	253		3.000	4.890
04	Hòn Đất	6.350	4.280	450	2.350	1.480	5.535
05	An Biên	25.500	25.332	21	21.570	3.741	13.003
06	An Minh	47.800	47.840	36	39.080	8.724	26.593
07	Vĩnh Thuận	30.370	30.383		30.383		22.988
08	UM.Thượng	9.300	9.300		9.300		5.300
09	Gò Quao	4.200	4.890		2.720	2.170	4.086
<b>Tổng cộng</b>		<b>137.430</b>	<b>135.157</b>	<b>3.647</b>	<b>106.303</b>	<b>25.207</b>	<b>113.609</b>
<i>Đạt KH (%)</i>			<i>98,35</i>	<i>81,04</i>	<i>98,16</i>	<i>102,34</i>	<i>94,28</i>
<i>Cùng kỳ (%)</i>			<i>94,48</i>	<i>101,84</i>	<i>96,61</i>	<i>85,64</i>	<i>104,78</i>



## 2. Tình hình chung

- **Lúa vụ Hè Thu 2023:** Diện tích gieo trồng được 278.178 ha/279.350 ha, đạt 99,58% kế hoạch và 99,46% cùng kỳ. Diện tích thu hoạch dứt điểm được 278.178 ha, đạt 100 % diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,64 tấn/ha, ước sản lượng 1.570.087 tấn, đạt 98,54% kế hoạch.

- **Lúa vụ Thu Đông 2023:** Diện tích gieo trồng được 85.139,4 ha/71.200 ha, đạt 119,58% kế hoạch. Diện tích thu hoạch 69.475 ha, đạt 81,60 % diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,46 tấn/ha, ước sản lượng 379.364 tấn.

- **Lúa vụ Mùa 2023-2024:** Diện tích gieo trồng được 66.783/71.608 ha, đạt 93,97% kế hoạch. Tập trung ở các huyện Giang Thành 223 ha, An Biên 20.211 ha, An Minh 27.068 ha, Vĩnh Thuận 14.034 ha và U Minh Thượng 5.017 ha.

- **Lúa vụ Đông Xuân 2023-2024:** Diện tích gieo trồng được 10.195 ha. Tập trung ở các huyện An Biên 1.735 ha, Vĩnh Thuận 3.260 ha và U Minh Thượng 5.200 ha.

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm 2023:** Diện tích thả nuôi được 135.157 ha/137.430 ha, đạt 98,35% kế hoạch và đạt 94,90% so cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 3.647 ha; nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 25.207 ha và nuôi tôm - lúa 106.303 ha, sản lượng thu hoạch đến nay ước đạt 113.609 tấn/120.500 tấn, đạt 94,28% kế hoạch và tăng 17,37% so cùng kỳ.

## 3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Thu Đông 2023 và Mùa 2023-2024 là 306 ha (*giảm 440 ha so với tuần trước*). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Thu Đông là 251 ha và Mùa 2023-2024 là 55 ha. Các đối tượng dịch hại bao gồm: Bệnh lem lép hạt diện tích nhiễm trên lúa Thu Đông là 110 ha (*giảm 249 ha so tuần trước*); Bệnh cháy bìa lá diện tích nhiễm trên lúa Thu Đông là 90 ha (*giảm 152 ha so tuần trước*); Bệnh đạo ôn lá diện tích nhiễm trên lúa Thu Đông và Mùa 2023-2024 là 61 ha (*tăng 16 ha so tuần trước*). Trong đó, diện tích nhiễm trên lúa Thu Đông là 26 ha. Ngoài ra các đối tượng gây hại: rầy nâu, chuột, sâu cuốn lá, bù lạch, ... xuất hiện và gây hại ở mức rải rác đến nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa.

## 4. Thông tin thị trường

- |                                   |                                      |   |
|-----------------------------------|--------------------------------------|---|
| - Lúa thường (tươi): 7.900-8.000đ | - Heo hơi: 50.000đ-53.000 đ          | - Urê: 10.400-10.600đ                     |
| - Lúa CLC (tươi): 8.000-8.100đ    | - Tôm sú (30c/kg): 145.000đ-150.000đ | - NPK (16-16-8): 15.500đ                  |
| - Gạo thường: 14.000đ-14.100đ     | - Tôm thẻ (100c/kg): 70.000đ-75.000đ | - NPK (20-20-15): 20.500đ                 |
| - Gạo CLC: 16.900đ-17.800đ        | - Cá bớp: 155.000-160.000đ.          | - KCL: 15.000 đ - DAP: 21.000đ <i>Yêu</i> |

### Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGĐ Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



*Nguyễn Thị Hồng Liên*